

*

Số 02-BC/ĐUCA

Vinh Long, ngày 11 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả 02 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vinh Long

Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vinh Long; Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh ban hành Công văn số 288-CV/BCS ngày 15/5/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Theo đó, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. UBND tỉnh ban hành Công văn số 2465/UBND-TCDC ngày 18/5/2023 chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành đầy đủ văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Công tác tham mưu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 theo chỉ đạo của Chính phủ, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ

Công an tỉnh phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 399 văn bản triển khai theo lộ trình Đề án; các Nghị quyết của Chính phủ, Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ; đặc biệt là Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023; Công văn số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/5/2023; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các văn bản phối hợp triển khai Đề án với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

(chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố đã tích cực xây dựng các văn bản chỉ đạo trong nội bộ ngành thực hiện; trong đó, nổi bật là:

(1) Công an tỉnh:

Với vai trò thường trực trong triển khai nhiệm vụ Đề án 06 đã tích cực tham mưu Chủ tịch UBND, Tổ trưởng, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh ban hành 01 Quyết định¹, 10 Kế hoạch², 09 Công văn³, 01 Tờ Trình⁴ triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án 06; ban hành 16 văn bản gửi các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06⁵.

¹ Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 về việc thay đổi thành viên Tổ công tác thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

² Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 21/7/2023 về mở đợt cao điểm tuyên truyền nhiệm vụ Đề án 06 và hướng dẫn hỗ trợ người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 11/8/2023 về kiểm tra, hướng dẫn và khảo sát, điều tra cơ bản đặc thù từng địa phương trong triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 79/KH-UBND, ngày 06/11/2023 về thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 02/KH-TCTTKĐA ngày 05/01/2024 về sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2024 về triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2024; Kế hoạch số: 35/KH-UBND, ngày 29/3/2024 về tuyên truyền Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2024; Kế hoạch số: 37/KH-UBND, ngày 02/4/2024 về Kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 năm 2024; Kế hoạch số 497/KH-TCTTKĐA, ngày 14/6/2024 về việc sơ kết tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong 06 tháng đầu năm 2024; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 21/4/2025 về việc tuyên truyền Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2025.

³ Công văn số 3080/UBND-TCDNC, ngày 21/06/2023 về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong triển khai Đề án 06; Công văn số 7471/UBND-PVHCC ngày 25/12/2023 về việc chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra Đề án 06 theo Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh; Công văn số 7528/UBND-PVHCC ngày 26/12/2023 về việc chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 21/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 283/UBND-VX ngày 16/01/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện chỉ trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt; Công văn số 389/UBND-VX ngày 19/01/2024 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phục vụ cho lộ trình triển khai Đề án Trung tâm Dữ liệu quốc gia; Công văn số 1250/UBND-TCDNC, ngày 06/03/2024 về việc góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử; Công văn số 1840/UBND-TCDNC, ngày 29/03/2024 về việc rà soát, bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh năm 2024; Công văn số 7094/UBND-VX ngày 25/10/2024 về việc phối hợp rà soát, thu thập thông tin về liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ phục vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; Công văn số 2215/UBND-TCDNC ngày 31/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung nhiệm vụ thực hiện Đề án 06 trong năm 2025.

⁴ Tờ trình số 256/TTr-CAT-PC06 ngày 31/8/2023 về việc hỗ trợ kinh phí lắp đặt đường truyền Internet từ UBND cấp xã đến Công an cấp xã phục vụ triển khai thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

⁵ (1) Công văn số 110/TCTTKĐA ngày 30/6/2023 về việc đẩy mạnh việc đăng ký, kích hoạt tài khoản VNeID mức độ 2 trong lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, người lao động; (2) Công văn số 148/TCTTKĐA ngày 25/8/2023 về việc triển khai thực hiện một số nội dung liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu dân cư; (3) Công văn số 170/TCTTKĐA ngày 18/9/2023 về việc hướng dẫn các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Đề án 06; (4) Công văn số 189/TCTTKĐA06 ngày 19/10/2023 về việc phối hợp rà soát, lập danh sách cán bộ, đảng viên đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2; (5) Công văn số 702/BCĐ-ĐA06 ngày 19/12/2024 về việc triển khai Bộ câu hỏi phục vụ họp giao ban, kiểm điểm hàng tuần về Sức khỏe điện tử và cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID; (6) Công văn số 703/BCĐ-ĐA06 ngày 20/12/2024 về việc đề nghị đẩy nhanh tiến độ triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp, sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và một số nhiệm vụ chậm, muộn của Đề án 06; (7) Công văn số 704/BCĐ-

Đồng thời, ban hành 284 văn bản (02 Quyết định, 03 Công điện, 249 Công văn, 29 Kế hoạch, 01 Thỏa thuận) triển khai thực hiện và chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06/CP trong lực lượng Công an tỉnh.

(2) Văn phòng UBND tỉnh: ban hành 08 Quyết định, 11 Kế hoạch và 176 Công văn, 07 Tờ trình và 02 Thông báo.

(3) Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng): ban hành 02 Quyết định, 02 Kế hoạch và 08 Công văn.

(4) Sở Tư pháp: ban hành 12 Tờ trình, 08 Quyết định, 77 Công văn, 11 Kế hoạch.

(5) Sở Giáo dục và Đào tạo: ban hành 02 Kế hoạch, 03 Công văn.

(6) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ và Sở Y tế): ban hành 02 Kế hoạch, 04 Công văn.

(7) Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ): ban hành 02 Kế hoạch, 05 Công văn.

(8) Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính): ban hành 12 Công văn. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(9) Sở Y tế: ban hành 02 Kế hoạch, 10 Công văn.

(10) Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường): ban hành 06 Quyết định, 04 Kế hoạch và 03 Công văn.

(11) Bảo hiểm xã hội: ban hành 05 Kế hoạch, 08 Công văn.

(12) UBND các huyện, thị xã, thành phố: ban hành 09 Quyết định, 13 Kế hoạch và 209 Công văn triển khai thực hiện và chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06/CP trên địa bàn.

3. Công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan (Y tế, Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ), Tư pháp, ...)

Chỉ đạo các ngành có liên quan tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị

ĐA06 ngày 20/12/2024 về việc triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp, sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh; (8) Công văn số 708/BCĐ-ĐA 06 ngày 23/12/2024 về việc đóng góp ý kiến đối với dự thảo kế hoạch cao điểm về triển khai cấp định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức; (9) Kế hoạch số 713/KH-BCĐ-ĐA06 ngày 29/12/2024 cao điểm triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức; (10) Công văn số 55/BCĐ-ĐA06 ngày 07/3/2025 về việc giao đảm nhiệm vai trò Tổ phó thường trực Đề án 06 cấp huyện; (11) Quyết định số 3543/QĐ-CAT-PC06 ngày 14/8/2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2024, thành phần gồm: Công an, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp; (12) Công văn số 600/TCTTKĐA ngày 01/10/2024 về việc phối hợp tuyên truyền, lan tỏa chương trình chung tay cứu trợ khẩn cấp đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt trên nền tảng VNeID; ⁵ (13) Công văn số 626/TCTTKĐA ngày 29/10/2024 về việc thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh - chủ trì Hội nghị giao ban tuần về đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ liên quan của Đề án 06; (14) Công văn số 638/TCTTKĐA ngày 12/11/2024 về việc thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh - chủ trì Hội nghị giao ban tuần về đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ liên quan của Đề án 06; (15) Công văn số 610/TCTTKĐA ngày 10/10/2024 về việc nghiên cứu 19 mô hình của Hà Nội và đăng ký triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; (16) Công văn 623/TCTTKĐA ngày 24/10/2024 về việc đôn đốc công tác triển khai Sổ sức khỏe điện tử và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID.

(Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp,...) triển khai hiệu quả các nhiệm vụ liên quan, cụ thể: phối hợp với các trường học tại địa phương lập danh sách học sinh (sinh năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và 2009) để cấp Căn cước công dân và tài khoản định danh điện tử tổng số 15.927 trường hợp; phối hợp với BHXH tỉnh xác thực thông tin làm sạch dữ liệu 32.974 trường hợp; phối hợp với Đoàn thanh niên thực hiện tuyên truyền nhiệm vụ Đề án 06 và hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; phối hợp với Tư pháp tại địa phương xác minh, cập nhật, bổ sung thông tin công dân, giải quyết cư trú; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) cập nhật thông tin người lao động vào phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư 378.619 trường hợp; rà soát, cập nhật thông tin người lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà; ...

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN 06

1. Việc rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06

Trong kỳ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC) đầy đủ, kịp thời theo quy định; chỉ đạo thường xuyên rà soát, cập nhật 100% các TTHC đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về TTHC và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, theo dõi, giám sát, đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện TTHC.

2. Kết quả triển khai thực hiện 05 nhóm tiện ích của Đề án 06

2.1. Nhóm tiện ích giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Về pháp lý thực hiện

- UBND tỉnh: chỉ đạo các đơn vị có liên quan cấu hình mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân (E-form) được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đạt tỷ lệ 81%; ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 05/3/2024 về nâng cao chất lượng phục vụ trong thực hiện TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2024 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 31/12/2024 về hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; phê duyệt danh mục 225 dịch vụ công trực tuyến⁶ (cấp tỉnh) không tiếp nhận hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; ban hành 04 Quyết định⁷ phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức

⁶ Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 14/02/2025.

⁷ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

nộp hồ sơ trực tiếp; ưu tiên giải quyết, trả kết quả trước hạn đối với dịch vụ công trực tuyến.

- UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 quy định miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long nhằm khuyến khích, thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023.

- Kết quả triển khai giải pháp chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến: UBND tỉnh ban hành Công văn số 2828/UBND-PVHCC ngày 13/5/2024 về việc triển khai, thực hiện giải pháp chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Công văn số 3324/UBND-PVHCC ngày 31/5/2024 về việc chuyển đổi, sử dụng tài khoản VNeID trong thực hiện TTHC. UBND tỉnh ưu tiên bố trí nguồn lực, đầu tư hạ tầng đáp ứng yêu cầu, sẵn sàng, chủ động triển khai các nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ để hoàn thành việc chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử kể từ ngày 01/7/2024 theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và đã nhân rộng, áp dụng triển khai Cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID từ ngày 29/11/2024.

b) Về dịch vụ công

- Số lượng TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.583, trong đó:

+ Dịch vụ công trực tuyến một phần: 627/1.583, đạt tỷ lệ 39,61%.

+ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 956/1.583, đạt tỷ lệ 60,39%.

- Số lượng hồ sơ (trực tiếp, bưu chính công ích, trực tuyến)/tổng hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh: Trực tiếp chiếm tỷ lệ 32,01%; bưu chính công ích chiếm tỷ lệ 0,04%, Trực tuyến chiếm tỷ lệ 67,95%.

- Thực hiện việc số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: (1) Tỷ lệ TTHC thực hiện số hóa hồ sơ: cấp tỉnh: 71,63%, cấp huyện: 77,7%, cấp xã: 93,46%. (2) Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: cấp tỉnh: 16,37%, cấp huyện: 38,94%, cấp xã: 21,96%. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu phải số hóa trong việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa từ 01/7/2022: (1) TTHC đã thực hiện số hóa: 72,33%. (2) Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 64,23%.

- Hoàn thành nâng cấp, hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh thành Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh, đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC theo quy định, chính thức vận hành kể từ ngày 14/8/2023; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương vận hành và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực⁸ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời gian qua, tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện khai thác có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đồng thời, tỉnh đã thực

⁸ Công văn số 613/VPUBND-PVHCC ngày 24/4/2024; Công văn số 553/VPUBND-PVHCC ngày 11/4/2024.

hiện kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với 16 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Hệ thống đăng ký với bưu điện (VNPost); Hệ thống quản lý Lý lịch Tư pháp; Hệ thống thông tin Quản lý hộ tịch; Hệ thống quản lý đất đai (VILIS); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống phần mềm đăng ký giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội; Hệ thống Dịch vụ công liên thông Đề án 06/CP; Nền tảng thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống Dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước; Hệ thống Dịch vụ công Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách; Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Cơ sở dữ liệu Thuế và cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trong thực hiện TTHC về đất đai cho doanh nghiệp Đồng thời, hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Kết quả thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết 422/QĐ-TTg, ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

* Kết quả thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân trên môi trường điện tử

- Kết quả thực hiện 13 dịch vụ công của ngành Công an

Công an tỉnh đã triển khai thực hiện 12/13 dịch vụ công thiết yếu, còn 01 dịch vụ công "*Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình phạt nguội*" chưa triển khai thực hiện được, do chưa lắp đặt đầy đủ thiết bị ghi hình, thiết bị ghi hình đã được lắp đặt trước đó không đảm bảo điều kiện hoạt động. Trong 02 năm, đã tiếp nhận 546.256 hồ sơ⁹ trực tuyến, đạt tỷ lệ 83,11%, cụ thể từng loại thủ tục như sau:

(1) Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 435 hồ sơ.

(2) Cấp lại, cấp đổi Căn cước (Dịch vụ công trực tuyến một phần, Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 51.769 hồ sơ.

(3) Đăng ký thường trú (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 141.903 hồ sơ.

(4) Đăng ký tạm trú (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 24.427 hồ sơ.

(5) Đăng ký tạm vắng (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 107 hồ sơ.

(6) Thông báo lưu trú (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 180.206 hồ sơ.

(7) Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 101.936 hồ sơ.

(8) Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): Chưa triển khai.

⁹ Cụ thể: tiếp nhận tổng số 657.281 hồ sơ, trong đó: trực tuyến: 546.256 hồ sơ, tỷ lệ 83,11%; trực tiếp: 111.025 hồ sơ, tỷ lệ 16,89%.

(9) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 38.035 hồ sơ.

(10) Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 299 hồ sơ.

(11) Thủ tục làm con dấu thu nhỏ và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 12 hồ sơ.

(12) Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 2.667 hồ sơ.

(13) Cấp phiếu lý lịch tư pháp (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 4.460 hồ sơ

- Kết quả triển khai 12 dịch vụ công của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã

Trong năm đã tiếp nhận 167.330 hồ sơ¹⁰ trực tuyến, đạt tỷ lệ 21,65%, cụ thể từng loại thủ tục như sau:

(14) Đăng ký khai sinh (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 15.477 hồ sơ.

(15) Đăng ký khai tử (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 7.741 hồ sơ.

(16) Đăng ký kết hôn (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 8.066 hồ sơ.

(17) Liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 16.884 hồ sơ.

(18) Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 6.403 hồ sơ.

(19) Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 313 hồ sơ.

(20) Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 31.070 hồ sơ.

(21) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(22) Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 64.796 hồ sơ.

(23) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 2.336 hồ sơ.

(24) Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 9.632 hồ sơ.

(25) Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 4.612 hồ sơ.

¹⁰ Cụ thể: tiếp nhận tổng số 772.821 hồ sơ, trong đó: trực tuyến: 167.330 hồ sơ, tỷ lệ 21,65%; trực tiếp: 605.491 hồ sơ, tỷ lệ 78,35%.

* Kết quả thực hiện các dịch vụ công có liên quan theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Trong năm đã tiếp nhận 106.117 hồ sơ¹¹ trực tuyến, đạt tỷ lệ 7,78%, cụ thể từng loại thủ tục như sau:

(1) Xác nhận thông tin về cư trú (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 40.251 hồ sơ.

(2) Công nhận bằng tốt nghiệp trung học sơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(3) Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 60 hồ sơ.

(4) Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 111 hồ sơ.

(5) Thăm viếng mộ liệt sĩ (cấp giấy giới thiệu và thực hiện chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(6) Mở rộng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện các dịch vụ cung cấp điện còn lại (ngoài 2 dịch vụ đã hoàn thành: Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V); thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 9.712 hồ sơ.

(7) Liên thông nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 762 hồ sơ.

(8) Liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/chứng chỉ hành nghề dược và cấp phiếu lý lịch tư pháp (Dịch vụ công trực tuyến một phần): Chưa thực hiện liên thông, chờ Bộ Y tế phối hợp Bộ Tư pháp triển khai

(9) “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 0 hồ sơ.

(10) Liên thông nhóm thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và cấp phiếu lý lịch tư pháp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): Chưa thực hiện liên thông, chờ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp Bộ Tư pháp triển khai.

(11) Liên thông nhóm thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và đăng ký kết hôn (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 223 hồ sơ.

(12) Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 7.239 hồ sơ.

¹¹ Cụ thể: tiếp nhận tổng số 1.363.175 hồ sơ, trong đó: trực tuyến: 106.117 hồ sơ, tỷ lệ 7,78%; trực tiếp: 1.257.058 hồ sơ, tỷ lệ 92,22%.

(13) Thanh toán viện phí (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): Bộ Y tế chưa triển khai.

(14) Thu, nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(15) Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần (không bao gồm đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý) (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): Chưa phát sinh hồ sơ.

(16) Nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản, thông báo tố tụng (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 0 hồ sơ.

(17) Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với doanh nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 18 hồ sơ.

(18) Nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với doanh nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 46.819 hồ sơ.

(19) Kết nối, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thực hiện các dịch vụ cung cấp điện cho doanh nghiệp (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 940 hồ sơ.

(20) Liên thông nhóm thủ tục xóa nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính (do xóa nợ nghĩa vụ tài chính) (Dịch vụ công trực tuyến một phần): 39 hồ sơ.

(21) Liên thông các thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã /liên thông hợp tác xã và đăng ký thuế (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình): 03 hồ sơ.

(chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2.2. Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội

a) Kết quả ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội

- Ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng: Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh đều đã sử dụng chức năng tích hợp thông tin cá nhân thông qua mã QR trên thẻ Căn cước công dân (CCCD), Căn cước của khách hàng để đối chiếu thông tin khách hàng, chống giả mạo trong giao dịch tài chính và sử dụng chức năng tích hợp thông tin cá nhân thông qua ứng dụng VNeID mức 2 để đối chiếu thông tin khách hàng khi giao dịch làm hạn chế rủi ro trong quá trình cho vay tín chấp, đẩy nhanh quá trình giải ngân.

- Ứng dụng trong lĩnh vực y tế: Triển khai thực hiện việc khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp BHYT, 100% cơ sở KCB BHYT trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp thẻ BHYT; lũy kế đến ngày 11/6/2025 có tổng số 3.623.240 lượt tra cứu; trong đó, có 3.135.731 lượt tra cứu thành công phục vụ công tác KCB BHYT bằng thẻ CCCD, Căn cước, đạt tỷ lệ 86,54%.

- Giá trị mang lại: Khi ứng dụng thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD, Căn cước định danh và xác thực điện tử thì thông tin công dân được kiểm tra nhanh chóng, chính xác, thuận tiện cho cán bộ, công chức, viên

chức khi giải quyết công việc và giúp tiết kiệm thời gian, chi phí của công dân khi thực hiện các giao dịch.

b) Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt

- Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh là 56.940 người (trong đó: có 50.351 đối tượng bảo trợ xã hội; 6.589 đối tượng người có công). Số đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội đã thực hiện rà soát đến ngày báo cáo là 56.940. Số đối tượng đã mở tài khoản trong tuần 33 trường hợp, lũy kế đến ngày báo cáo là 39.350 (trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội: 32.900; đối tượng người có công: 6.450). Trả qua tài khoản đến ngày 11/6/2025 là 39.255/39.350 trường hợp (trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội: 32.984; đối tượng người có công: 6.271) với tổng số tiền là 43.786.251.659 đồng, đạt tỷ lệ 99,76% trên tổng số người đã có tài khoản và đạt 68,94% trên tổng số đối tượng (vượt 38,94% so với tỷ lệ được giao là 30%). Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng hưởng lương hưu, BHXH trên địa bàn tỉnh tổng số là: 13.741 người. Đã thực hiện rà soát đến ngày 10/6/2025 là: 13.741. Trả qua tài khoản đến ngày 10/6/2025 là: 13.244 trường hợp với tổng số tiền là 100.842.412.600 đồng, đạt tỷ lệ 96,38%.

- Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại trường học và cơ sở y tế: Có 15/15 cơ sở y tế và 360/360 cơ sở giáo dục đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Giá trị mang lại: an toàn và tránh được các rủi ro như trộm cắp, tiền giả; nhanh chóng, chính xác số tiền cần thanh toán, giảm thời gian đi lại; hạn chế lượng tiền mặt lưu thông, giảm thiểu lạm phát, ổn định kinh tế quốc dân; giảm chi phí văn phòng phẩm; không cần mang theo tiền mặt hay thẻ tín dụng..

c) Triển khai các giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách

Về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Đến nay, người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công 1.065 trường hợp.

2.3. Nhóm phục vụ phát triển công dân số

- Đến nay, Công an tỉnh đã thu nhận 1.459.842 hồ sơ cấp CCCD, Căn cước (trong đó có 136.559 hồ sơ cấp Căn cước) và được Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an in, trả cho công dân tổng số 1.143.977 thẻ và đến 21/6/2023, Công an tỉnh đã hoàn thành việc cấp Căn cước công dân cho 100% công dân đủ điều kiện hiện đang có mặt trên địa bàn tỉnh.

- Đồng thời, thực hiện thu nhận và tuyên truyền, hướng dẫn người dân kích hoạt, sử dụng: 761.539/983.393 tài khoản VNeID, đạt tỷ lệ 77,44%. Qua đó, đã giúp người dân sử dụng được nhiều tiện ích trên ứng dụng VNeID như: Sử dụng tài khoản VNeID đăng nhập Cổng dịch vụ công Quốc gia thực hiện các TTHC; sử dụng CCCD, Căn cước điện tử, sổ hộ khẩu điện tử, sổ sức khỏe điện tử, tích hợp và hiển thị các thông tin giấy tờ như đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Bảo hiểm y tế.

2.4. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

a) Kết quả làm sạch dữ liệu của địa phương như: dữ liệu dân cư, dữ liệu Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, dữ liệu tiêm chủng, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu GPLX, dữ liệu đất đai, dữ liệu cán bộ công chức viên chức...

(1) Dữ liệu dân cư

Công an tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội về công tác thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân, làm sạch dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”; xác thực làm sạch dữ liệu nhà mạng, đất đai, thuế, ... Đến nay đã hoàn thành hết các nhóm chỉ tiêu làm sạch do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an giao.

(2) Dữ liệu BHYT, BHXH: Đến hết ngày 11/6/2025, hệ thống quản lý người tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh đã xác thực, đồng bộ thành công với CSDL quốc gia về dân cư tổng số là 960.138 người/961.000 thẻ BHYT còn giá trị sử dụng, đạt tỷ lệ 99,91%.

(3) Dữ liệu tiêm chủng: Đến ngày 11/6/2025 đã cập nhật 2.999.934 mũi tiêm lên Hệ thống, số mũi tiêm chưa cập nhật số CCCD/ĐDCN và số mũi tiêm xác minh sai thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hiện còn trên hệ thống 249.702 mũi chưa xác thực được (trong đó, có 12.862 mũi tiêm không có CCCD/Mã định danh, 14.953 mũi nhập số CCCD/ĐDCN thiếu số, 221.887 mũi tiêm sai thông tin).

(4) Rà soát làm sạch dữ liệu trẻ em: đến nay, đã cập nhật thông tin lên “Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở” (do Bộ Y tế hội quản lý) được 160.568/199.109, đạt tỷ lệ 80,64%.

(5) Rà soát, làm sạch dữ liệu Thuế: đến nay, đã rà soát, làm sạch được 30.291/65.240 trường hợp, đạt tỷ lệ 46,43%.

(6) Rà soát làm sạch dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội: đến nay, đã cập nhật dữ liệu lên phần mềm “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và Cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội” (do Bộ Y tế quản lý) là 50.028/50.028 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%.

(7) Dữ liệu hộ tịch: Sở Tư pháp và UBND huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện rà soát, làm sạch 1.712.079/1.712.079 dữ liệu hộ tịch, đạt 100%.

(8) Dữ liệu đất đai: đến nay, đã rà soát, làm sạch được 439.624/537.643 thông tin chủ sử dụng đất trùng khớp với dữ liệu dân cư, đạt tỷ lệ 81,7%.

(9) Dữ liệu GPLX: đến nay, đã rà soát, làm sạch được 451.963/451.963 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%.

(10) Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: đã thực hiện được 23.664 hồ sơ, đạt tỷ lệ 88,73%.

b) Tổ chức nhập dữ liệu các ngành phục vụ kết nối, chia sẻ, làm giàu dữ liệu: Nhập thông tin của Hội Nông dân 42.892 trường hợp, Hội Cựu chiến binh 7.591 trường hợp, Hội Người cao tuổi 49.378 trường hợp, Hội Chữ thập đỏ 7.396 trường hợp, Người lao động 378.619 trường hợp.

c) Kết quả thực hiện chuẩn hóa dữ liệu: UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện rà soát, làm sạch, cập nhật 100% TTHC đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về TTHC và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, theo dõi, giám sát, đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện TTHC.

3. Về triển khai các mô hình điểm của Đề án 06/CP

a) Kết quả triển khai thực hiện 27 mô hình điểm:

* Công tác triển khai: Ngày 06/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹² triển khai thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với 27 mô hình.

* Kết quả thực hiện, đến nay:

- Đã triển khai thực hiện 20/27 mô hình: ⁽¹⁾ Triển khai thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu; ⁽²⁾ Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công trực tuyến không sử dụng hồ sơ giấy; ⁽³⁾ Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID; ⁽⁴⁾ Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID; ⁽⁵⁾ Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; ⁽⁶⁾ Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ; ⁽⁷⁾ Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe; ⁽⁸⁾ Triển khai cho vay tín chấp người thuộc hộ nghèo, người có công; ⁽⁹⁾ Đảm bảo điều kiện công dân số; ⁽¹⁰⁾ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP); ⁽¹¹⁾ Truyền thông nội bộ cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước; ⁽¹²⁾ Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp-phích, truyền thanh cơ sở, truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số; ⁽¹³⁾ Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID; ⁽¹⁴⁾ Triển khai tuyên truyền chính sách, hỗ trợ pháp lý qua ứng dụng VNeID, Trung tâm cuộc gọi (Call Centre); ⁽¹⁵⁾ Trung tâm giám sát an ninh mạng SOC tỉnh; ⁽¹⁶⁾ Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho các cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống; ⁽¹⁷⁾ Thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID; ⁽¹⁸⁾ Tổ chức đào tạo, tập huấn an ninh, an toàn, bảo mật thông tin cho người sử dụng cuối (end use); ⁽¹⁹⁾ Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại các cơ sở khám chữa bệnh; ⁽²⁰⁾ Chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO).

- 05/27 mô hình đang triển khai: ⁽¹⁾ Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại nhà cho thuê, nhà ở trong khu công nghiệp; ⁽²⁾ Triển khai tích hợp thông tin Sổ sức khỏe điện tử, Sổ lao động điện tử trên VNeID; ⁽³⁾ Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, như: Hộ tịch, lao động xã hội, các tổ chức, hội, đoàn thể,... phục vụ cải cách TTHC; ⁽⁴⁾ Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID; ⁽⁵⁾ Triển khai xác minh danh tính khách hàng tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (cơ sở cầm đồ, cơ sở khác) (Do chưa có kinh phí);.

- 2/27 mô hình chưa triển khai: ⁽¹⁾ Triển khai hệ thống quản lý trường học (Đang khảo sát và dự trù kinh phí thực hiện); ⁽²⁾ Quản lý chương trình An sinh xã hội thông qua VNeID (Chờ Bộ Nội vụ và Bộ Y tế hướng dẫn).

¹² Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 06/11/2023.

b) Kết quả triển khai 19 mô hình thúc đẩy Đề án 06 của Hà Nội trên địa bàn tỉnh

* Công tác triển khai:

- Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Công văn số 6321/UBND-TCDNC ngày 26/9/2024 về việc khẩn trương rà soát, triển khai thực hiện Công văn số 7611/TCTTKĐA ngày 20/9/2024 của Thủ ký Tổ Công tác triển khai Đề án 06; Công văn số 5232/UBND-TCDNC ngày 14/8/2024 về việc nghiên cứu, triển khai Công văn số 2643/TCTTKĐA ngày 07/8/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ.

- Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của tỉnh ban hành Công văn số 610/TCTTKĐA ngày 10/10/2024 gửi các sở, ban, ngành tỉnh để nghiên cứu 19 mô hình thúc đẩy Đề án 06 của Hà Nội và lựa chọn đăng ký triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

* Kết quả thực hiện: Đến nay tỉnh Vĩnh Long đã và đang triển khai thực hiện 11 mô hình (trong đó có 03 mô hình đã thực hiện hoàn thành), các mô hình còn lại, các ngành không đăng ký triển khai thực hiện do điều kiện, tình hình thực tế của ngành, địa phương chưa đảm bảo.

c) Kết quả triển khai thực hiện Công văn số 2551/TCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ

* Công tác triển khai:

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 2141/UBND-TCDNC ngày 11/4/2024 khai thực hiện Công văn số 2551/TCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Thủ ký Tổ công tác Đề án 06 về nghiên cứu giải pháp, tổng hợp kinh nghiệm trong triển khai Đề án 06/CP.

- Tổ công tác triển khai Đề án 06 của tỉnh (Công an tỉnh) đã ban hành Công văn số 227/TCTTKĐA ngày 22/4/2024 phối hợp, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh rà soát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo 05 nhóm “Pháp lý - Hạ tầng - An ninh an toàn - Dữ liệu - Nguồn lực”.

* Kết quả thực hiện: Đến nay, đã có 08 đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá gồm: Sở Nội Vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Về tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ

a) Công tác triển khai

UBND tỉnh ban hành 06 văn bản: Công văn chỉ đạo tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ; triển khai thực hiện nhiệm vụ phục vụ cho lộ trình triển khai Đề án Trung tâm Dữ liệu quốc gia; đăng ký nhu cầu đặt cơ sở dữ liệu của tỉnh tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; đóng góp ý kiến đối với dự thảo Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu quốc gia (lần 1, 2)¹³ và Báo cáo¹⁴ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; đồng thời, chỉ đạo Sở

¹³ Công văn số 6552/UBND-VX ngày 15/11/2023; Công văn số 389/UBND-VX ngày 19/01/2024; Công văn số 72/UBND-VX ngày 28/4/2024; Công văn số 2858/UBND-VX ngày 15/5/2024; Công văn số 5102/UBND-VX ngày 09/8/2024.

¹⁴ Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 05/6/2024.

Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) rà soát, cung cấp danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh phục vụ xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia¹⁵.

b) Kết quả số hóa dữ liệu đất đai, dữ liệu hộ tịch và dữ liệu ngành lao động

* Dữ liệu đất đai:

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện số hóa hồ sơ đất đai đính kèm file PDF lên hệ thống là 476.500/679.641 thửa đất trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 70,11%.

* Dữ liệu hộ tịch: Đến ngày 09/5/2025, Sở Tư pháp và UBND huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện số hóa 1.712.079/1.712.079 dữ liệu hộ tịch, đạt 100%. Trong đó, đã cập nhật vào phần mềm 158 tổng số 1.712.079/1.712.079 dữ liệu, đạt 100%; đã đồng bộ vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp tổng số 1.712.079/1.712.079 dữ liệu, đạt 100%.

* Dữ liệu ngành lao động:

+ Số hóa hồ sơ chi trả trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp: 79.949/112.277, đạt tỷ lệ 71,21%. Số còn lại đang thực hiện, hoàn thành trong năm 2025.

+ Số hóa hồ sơ người có công với cách mạng: đính kèm tập tin đã scan lên phần mềm “Quản lý hồ sơ người có công với cách mạng” (phần mềm nội bộ, chưa liên kết với cơ sở dữ liệu dân cư): 85.808/85.808, đạt tỷ lệ 100%.

+ Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng: Đã cập nhật dữ liệu lên phần mềm “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và Cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội” (do Bộ Y tế quản lý): 50.028/50.028, đạt tỷ lệ 100%.

+ Dữ liệu trẻ em: Đã cập nhật thông tin lên “Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở” (do Bộ Y tế quản lý): 160.568/199.109, đạt tỷ lệ 80,64%, số còn lại đang thực hiện cập nhật thông tin lên hệ thống.

5. Rà soát, đánh giá hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in;... nguồn nhân lực của cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã.

- Chỉ đạo đơn vị cung cấp dịch vụ Mạng Truyền số liệu chuyên dùng tỉnh đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ đường truyền phục vụ triển khai Đề án 06. Bên cạnh đó, chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) tham mưu, đề xuất¹⁶ phương án triển khai Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) trên địa bàn tỉnh; theo đó, UBND tỉnh thống nhất phương án¹⁷ có “*Tối thiểu 02 đơn vị cung cấp Mạng TSLCD*” nhằm nâng cao tính sẵn sàng, chất lượng của Mạng TSLCD tỉnh phục vụ chuyển đổi số của tỉnh trong thời gian tới; đồng thời, bảo đảm các nguyên tắc: Thống nhất trong tổ chức, quản lý, kết nối và bảo đảm an toàn thông tin; bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin; kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; mạng truyền số liệu chuyên dùng được giám sát, kiểm soát tập trung.

¹⁵ Công văn số 1599/STTTT-CĐS ngày 26/8/2024.

¹⁶ Tờ trình số 38/TTr-STTTT ngày 25/4/2024 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông về việc đề xuất phương án triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

¹⁷ Công văn số 2722/UBND-VX ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh về việc thống nhất phương án triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) phối hợp các cơ quan, đơn vị rà soát, đánh giá tổng thể đề đề xuất bổ sung, trang bị các thiết bị đầu cuối cần thiết; giải pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin; rà soát nhu cầu đào tạo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) đã thực hiện khảo sát tình hình thực hiện công tác chuyển đổi số và công tác bảo đảm an toàn thông tin tại 107 UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ chuyển đổi số và đào tạo tập huấn nâng cao nguồn nhân lực tham gia chuyển đổi số của tỉnh.

- Nguồn nhân lực: Cán bộ, công chức chuyên trách, phụ trách CNTT của tỉnh có 149 người cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo quy định.

6. Việc triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và dữ liệu; bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được triển khai, vận hành tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng tốt và sẵn sàng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành, hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh và làm đầu mối kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để đồng bộ với các CSDL quốc gia, các CSDL của Bộ, ngành Trung ương và các hệ thống thông tin của các tỉnh trên cả nước. Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với 11 CSDL quốc gia, hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương¹⁸.

Trong 02 năm, Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) có 02 lần được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng, cụ thể: tháng 01/2023, Tổ công tác A05, A06, C06 - Bộ Công an đánh giá cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí về an toàn thông tin để kết nối vào CSDL quốc gia theo Kế hoạch số 490/KH-BCA-A05 của Bộ Công an; tháng 11/2023, Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh kiểm tra, đánh giá theo Kế hoạch số 76/KH-TBATANM ngày 06/9/2023.

Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã được đánh giá an toàn, an ninh mạng đáp ứng các tiêu chí an toàn, an ninh mạng (*đạt 16/16 tiêu chí đối với hệ thống thông tin cấp độ 3*) theo Công văn số 1552/BTTTT-THH, ngày 26/4/2022 và Công văn số 708/BTTTT-CATT, ngày 03/02/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), Sở Thông tin và Truyền thông (Sở Khoa học và Công nghệ) đã có báo cáo tại Báo cáo số 96/STTTT-CNTT ngày 08/4/2024 về Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí an toàn, an ninh mạng theo Công văn số 708/BTTTT-CATT.

7. Về bố trí ngân sách, nguồn lực triển khai Đề án

a) Kết quả bố trí kinh phí triển khai Đề án 06/CP: Tổng kinh phí bố trí là: 45.771.602.768 đồng, trong đó:

- Kinh phí đầu tư các hạng mục hạ tầng CNTT: 17.038.421.768 đồng.

¹⁸ Cục Tin học hóa xác nhận tại CV số 134/THH-THHT ngày 24/01/2022 và CV số 1832/CĐSQG-NT&DLS, ngày 22/11/2023 của Cục Chuyển đổi số Quốc gia về việc xác nhận kết nối LGSP Vĩnh Long với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia, chuyên ngành.

- Kinh phí phục vụ hoạt động thực hiện Đề án 06: 28.733.181.000 đồng

b) Công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức phục vụ triển khai Đề án 06

Trên cơ sở Kế hoạch và chỉ đạo của UBND tỉnh¹⁹, các sở, ngành liên quan đã tổ chức triển khai thực hiện, điển hình như:

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ số, chính quyền điện tử và chuyển đổi số; nâng cao kỹ năng số, kỹ năng bảo mật thông tin trên môi trường mạng, với số lượng 1.224 công chức, viên chức phụ trách về chính quyền điện tử, chính quyền số và chuyển đổi số, bảo mật thông tin trên môi trường mạng của cơ quan, đơn vị, địa phương²⁰;

- Văn phòng UBND tỉnh: tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về việc sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh²¹ với 13 lớp trực tiếp, 133 đơn vị, 638 người tham dự; tập huấn trực tuyến 115 đơn vị với 650 người tham dự; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương vận hành và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực²² trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Vĩnh Long với hơn 12.200 lượt hỗ trợ từ xa; tổ chức tập huấn dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh cho 510 cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục triển khai Kế hoạch²³: thực hiện Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023; đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số và an toàn thông tin năm 2024. Đồng thời, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức 174 lớp bồi dưỡng, tập huấn bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến với 21.624 lượt cán bộ, công chức, viên chức phụ trách về chuyển đổi số của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; cán bộ phụ trách CNTT xã, phường, thị trấn; Thành viên Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng của tỉnh; Tiểu ban An toàn, an ninh mạng và lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng; cán bộ kỹ thuật vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh..

- Công an tỉnh phối hợp với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức 02 lớp tập huấn: nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 trên nền tảng MOOC cho tổng số 850 học viên là cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ngành, địa phương và cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân; về an ninh, an toàn bảo mật thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức

¹⁹ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 23/02/2023, Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2024 về triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong năm 2023, 2024; Công văn số 1075/UBND-TCDNC ngày 13/3/2023 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1041/UBND-TCDNC ngày 27/02/2024 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1167/QĐ-UBND, ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2023; Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số và an toàn thông tin năm 2024.

²⁰ Kế hoạch số 170/KH-SNV ngày 04/5/2023; Thông báo số 260/TB-SNV ngày 14/6/2023; Kế hoạch số 287/KH-SNV ngày 26/6/2023; Kế hoạch số 215/KH-SNV-TCCVC, ngày 11/4/2024.

²¹ Kế hoạch số 960/KH-VPUBND ngày 29/6/2023.

²² Công văn số 613/VPUBND-PVHCC ngày 24/4/2024; Công văn số 553/VPUBND-PVHCC ngày 11/4/2024.

²³ Kế hoạch số 56/KH-STTTT ngày 11/7/2023; Kế hoạch số 41/KH-STTTT ngày 05/4/2024.

của các sở, ngành, địa phương và cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tổng số 495 học viên.

8. Về công tác tuyên truyền thực hiện Đề án

* Công an tỉnh: Lực lượng Công an các cấp đã phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền 1.655 cuộc qua các tin thời sự, tin bài, cổng thông tin điện tử; cộng tác 18 tin, bài với Báo Vĩnh Long và Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, truyền hình Công an nhân dân; phát trên sóng Phát thanh - Truyền hình 02 chương trình, thông qua các chương trình: chuyên đổi số, vì An ninh Tổ quốc, kinh tế, câu chuyện truyền thanh thời lượng 15 phút/chương trình, chuyện hôm nay thời lượng 20 phút/chương trình; phát 206.940 tờ rơi tuyên truyền Đề án 06, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID; trên loa phát thanh xã, phường, thị trấn 15.939 lượt; phát hình hơn 2.400 giờ tuyên truyền Đề án 06 trên các màn hình Led; lắp đặt 11 pano tuyên truyền Đề án 06 và qua công tác cấp phát căn cước công dân, Căn cước, hợp dân ở ấp, khóm, khu dân cư, zalo, facebook.... tổng số 592.611 lượt (Cấp huyện: 96.534 lượt; Cấp xã: 201.277 lượt; Khóm, ấp: 294.800 lượt); ban hành Thư kêu gọi toàn thể nhân dân hưởng ứng tham gia đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Qua đó, đã giúp người dân hiểu, đồng thuận và phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương và lực lượng Công an trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 06. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền về Luật Căn cước; Luật dữ liệu; tiện ích tài khoản định danh điện tử trên trang thông tin điện tử Công an tỉnh Vĩnh Long, trang Zalo Công an tỉnh Vĩnh Long; Fanpage: tuổi trẻ Công an Vĩnh Long, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an huyện Trà Ôn, ANTT Vũng Liêm 1.056 lượt khoảng 732.877 lượt xem, 8.368 lượt chia sẻ; trên loa phát thanh 11.370 lượt; trực tiếp tại Trường THCS - THPT Phan Văn Đáng, Trường THCS - THPT Hiếu Nhơn 02 cuộc có 2.070 lượt người tham gia.

* Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ): Thường xuyên cập nhật tin tức liên quan triển khai Đề án 06 và các thông tin khác qua các kênh Zalo “Chính quyền số Vĩnh Long”; trang Facebook “Chuyên đổi số Vĩnh Long”; trang thông tin điện tử của Sở. Từ ngày 16/12/2023 đến ngày 07/5/2025, trang Zalo Official Chính quyền số Vĩnh Long đăng tải 593 tin, bài; trang Fanpage Chuyên đổi số Vĩnh Long trên facebook đăng tải 815 tin, bài; trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông 787 tin, bài; trang chuyên đổi số của tỉnh 747 tin, bài.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Trong 02 năm qua, với sự chỉ đạo quyết tâm, quyết liệt của Cấp ủy đảng, Lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các cấp; sự phấn đấu, nỗ lực, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nên các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án 06 cơ bản thực hiện hoàn thành. Trong đó, những kết quả nổi bật như:

- Nhận thức, hành động của Cấp ủy các cấp, các ngành và địa phương về thực hiện Đề án 06 có sự chuyển biến tích cực, nhận thức rõ hơn về thực trạng hạ tầng, nhân lực, dữ liệu, an ninh an toàn thông tin và yêu cầu nhiệm vụ của Đề án 06.

- Nhiều tiện ích từ dữ liệu dân cư, Căn cước công dân, Căn cước, định danh và xác thực điện tử (VNeID) đã được cung cấp, giúp người dân và xã hội được thụ hưởng ngày càng tốt hơn, như: triển khai thực hiện các dịch vụ công thiết yếu liên quan đến con người (tỉnh đã triển khai 42/53 dịch vụ công); sử dụng thẻ Căn cước

công dân, Căn cước hoặc VNeID có tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh; sử dụng tài khoản VNeID để thực hiện thông báo lưu trú, phản ánh kiến nghị về an ninh trật tự, tích hợp và hiển thị một số thông tin giấy tờ...

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu cấp CCCD cho công dân đủ điều kiện hiện đang có mặt trên địa bàn tỉnh và chỉ tiêu kích hoạt tài khoản định danh điện tử; 100% các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai giải pháp khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp Bảo hiểm Y tế; triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt 100% cơ sở giáo dục và 100% bệnh viện trên toàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng trong quần chúng nhân dân, giúp người dân nắm rõ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Đề án 06/CP, từ đó tạo được sự đồng tình, ủng hộ của người dân và doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

(1) Thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến tỷ lệ còn thấp, cụ thể như: cụ thể như: Tòa án tỉnh, tỷ lệ 0%; Nông nghiệp và Môi trường, tỷ lệ 0%; Bảo hiểm xã hội tỉnh, tỷ lệ 0,02%; Thuế (*Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân*), tỷ lệ 0%,...

(2) Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất của một số đơn vị, địa phương đôi lúc còn chưa đảm bảo nội dung, thời gian theo quy định.

2.2. Nguyên nhân

(1) Việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 trong thời gian qua có phạm vi rộng, nhiều nhiệm vụ yêu cầu phải hoàn thành trong thời gian quá ngắn và chưa có tiền lệ; trang, thiết bị, hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực chưa thật sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Đề án 06.

(2) Một số bộ phận cán bộ, đảng viên; công chức, viên chức chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và vai trò, trách nhiệm của mình trong triển khai, thực hiện Đề án 06; lãnh đạo một số đơn vị chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện.

(3) Một số dịch vụ công yêu cầu phải am hiểu và sử dụng thành thạo về công nghệ, chưa thân thiện với người dùng, dẫn đến tỷ lệ người dân tham gia còn thấp.

(4) Công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp của một số ngành, địa phương chưa được thường xuyên, chưa có nhiều hình thức phong phú và đa dạng...

3. Khó khăn, vướng mắc

- Thiết bị máy tính phục vụ Dự án, Đề án chưa đáp ứng nhu cầu so với nhiệm vụ được giao (hiện nay mỗi xã chỉ được trang bị 01 máy dữ liệu dân cư), một số máy do sử dụng nhiều dẫn đến hư hỏng, Công an cơ sở gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Đề án, nhất là công tác làm sạch dữ liệu dân cư, làm giàu dữ liệu dân cư.

- Hiện nay, tỉnh đã triển khai thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế, giáo dục. Tuy nhiên, nhiều người dân ở địa bàn nông thôn không có tài khoản ngân hàng nên còn gặp khó khăn trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Bộ Công an

- Trang bị thêm cho Công an cấp xã 01 bộ máy vi tính có kết nối hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm thực hiện tốt công tác thường xuyên; đơn giản hóa báo cáo định kỳ hàng ngày, tuần về kết quả triển khai thực hiện Đề án 06 và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo. Đồng thời, điều chỉnh thời gian chốt số liệu theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

- Các văn bản của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 đề nghị gửi qua Trục liên thông văn bản quốc gia để địa phương triển khai, thực hiện kịp thời hơn.

2. Các bộ, ngành Trung ương: Ban hành kịp thời các Quyết định công bố TTHC và gửi trên Trục liên thông văn bản quốc gia để địa phương kịp thời công bố danh mục TTHC và đảm bảo về thời gian công bố theo quy định.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2025

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 theo lộ trình. Trong đó, tập trung chỉ đạo, thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể như sau:

1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, đưa ra lộ trình, giải pháp, phân công trách nhiệm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, đảm bảo thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ của Đề án 06 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tăng cường chỉ đạo triển khai, thực hiện **25 nhiệm vụ** tại Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 13/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1827/UBND-TCĐNC ngày 17/3/2025 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện 27 mô hình điểm theo Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Tăng cường các giải pháp tuyên truyền, phổ biến về các nội dung, nhiệm vụ Đề án 06, nhất là những tiện ích mang lại cho người dân và doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động người dân ưu tiên sử dụng các dịch vụ công trực tuyến khi thực hiện các thủ tục hành chính, nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến.

4. Tiếp tục nâng cao giải pháp triển khai thực hiện nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và phát triển công dân số. Trong đó, nâng cao hiệu quả thực hiện ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD, Căn cước, định danh và xác thực điện tử trong khám chữa bệnh; các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại các trường học, bệnh viện,... nhất là đối với các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; thực hiện thu nhận hồ sơ cấp Căn cước, giấy chứng nhận Căn cước và tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường công tác rà soát làm sạch dữ liệu chuyên ngành (Bảo hiểm xã hội, Y tế, Giáo dục, Đất đai, Nội vụ...) nhằm bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư. Duy trì làm sạch dữ liệu dân cư, đảm bảo dữ liệu luôn “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ công tác kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu của các ngành khác. Đồng thời, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin hệ thống, trang thiết bị phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06 theo đúng quy định của pháp luật.

6. Tiếp tục rà soát, tham mưu và đề xuất kinh phí, nguồn nhân lực đảm bảo triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 đồng bộ, hiệu quả; duy trì thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo về tiến độ, kết quả thực hiện nhằm phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo, lãnh đạo, điều hành kịp thời của UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh.

7. Rà soát bổ sung, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh và sửa đổi Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh đảm bảo phù hợp tình hình, điều kiện thực tế.

Đảng ủy Công an tỉnh báo cáo kết quả 02 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long về Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Tổ Công tác Đề án 06 Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long nắm, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy);
- Đảng ủy Công an Trung ương (V01);
- Tổ Công tác Đề án 06 Chính phủ (C06);
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên và Tổ giúp việc trong triển khai nhiệm vụ Đề án 06/CP tỉnh (năm, theo dõi);
- LĐ. VPUBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu Văn thư Đảng ủy.



Phan Ngọc Tính